

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

I. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

*** Tên dự án:**

Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

*** Địa điểm thực hiện:** xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

*** Tên chủ dự án:** Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ

- Địa chỉ: Ngõ 128, tổ 24 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

- Điện thoại: (02083) 652 868 ; Fax: (02083) 854 868

- Đại diện pháp luật: Ông Đào Hữu Huệ. Chức vụ: Tổng giám đốc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi của dự án

- Các hạng mục công trình phục vụ sản xuất và phụ trợ: nhà văn phòng, nhà kho, nhà bảo vệ,...

- Công trình, thiết bị bảo vệ môi trường gồm: Hồ lắng nước mưa,, mương thu gom nước mưa, kho chất thải nguy hại...

*** Hoạt động của dự án đầu tư:**

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng 9,99ha.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình phục vụ khai thác và lắp đặt các công trình phụ trợ, hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hoạt động khai thác, bóc xúc và vận chuyển đất san lấp.

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác.

1.2.2. Quy mô dự án

- Diện tích đất dự án 9,99ha (trong đó bao gồm cả diện tích khu vực công trình phụ trợ).

- Trữ lượng địa chất được phê duyệt cấp 122: 3.173.136 m³

- Trữ lượng địa chất huy động trong biên giới mỏ: 2.855.822m³

- Công suất khai thác đất nguyên khối: 250.000m³/năm.

- Tuổi thọ của dự án: 12,4 năm.

- Tổng vốn đầu tư: 49.668.365.000 đồng.

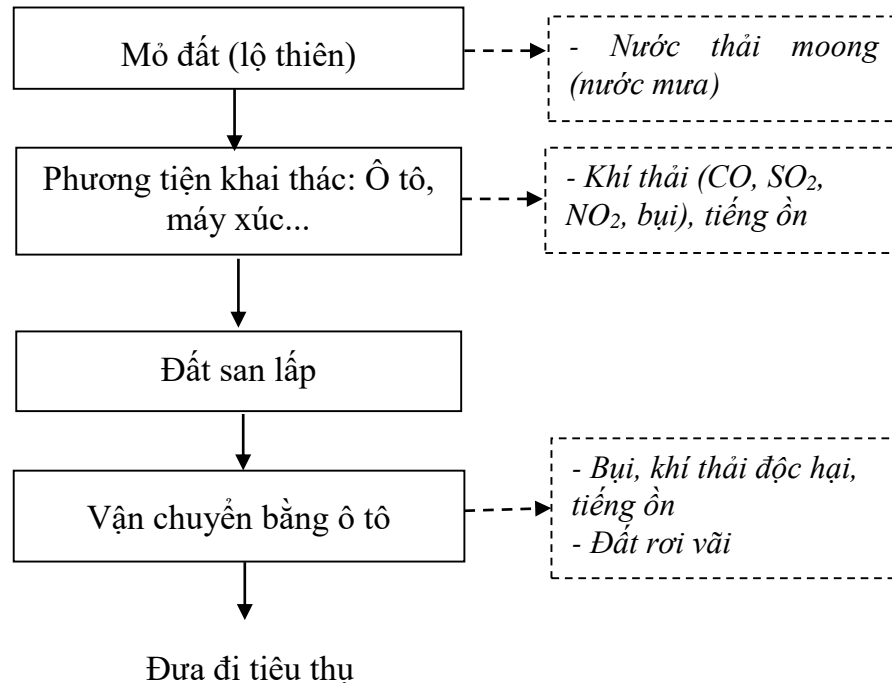
1.2.3. Công suất dự án

- Công suất khai thác đất nguyên khối: 250.000m³/năm.

1.3. Công nghệ khai thác

- Phương pháp khai thác: Khai thác bằng phương pháp lộ thiên

- Công nghệ khai thác: Sử dụng máy xúc đào và bốc xúc đất lên ô tô và vận chuyển đi tiêu thụ.



Sơ đồ công nghệ khai thác đất san lấp

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hạng mục công trình: Chủ yếu là công trình thuộc khu vực phụ trợ (sử dụng nhà lắp ghép) như nhà văn phòng (52,5m²), nhà kho (32m²), nhà bảo vệ (25m²), hệ thống thu gom nước mưa...

+ Giai đoạn xây dựng cơ bản: Hoạt động san gạt tạo mặt bằng phụ trợ; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công xây dựng các hạng mục công trình (san nền, giao thông, cấp thoát nước, chiếu sáng; nhà văn phòng, nhà bảo vệ, kho phụ trợ...).

+ Giai đoạn khai thác: Hoạt động khai thác, bốc xúc, vận chuyển.

+ Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường: san gạt mặt bằng, khơi thông rãnh thoát nước, trồng cây xanh và bàn giao lại mặt bằng cho địa phương.

1.4.2. Hoạt động của dự án đầu tư

* *Trình tự khai thác*

Lịch khai thác tổng hợp của toàn mỏ

TT	Năm khai thác	Khối lượng khai thác hàng năm (m³)
1	Năm khai thác 1	250.000
2	Năm khai thác 2	250.000
3	Năm khai thác 3	250.000
4	Năm khai thác 4	250.000
5	Năm khai thác 5	250.000
6	Năm khai thác 6	250.000
7	Năm khai thác 7	250.000
8	Năm khai thác 8	250.000
9	Năm khai thác 9	250.000
10	Năm khai thác 10	250.000
11	Năm khai thác 11	250.000
12	Năm khai thác 12	105.822
	Tổng	2.855.822

* *Biên giới và trữ lượng khai trường*

- Biên giới trên mặt:

+ Chiều dài trung bình của mỏ: 520 m;

+ Chiều rộng trung bình của mỏ: 194 m;

- Biên giới dưới sâu: Biên giới mỏ theo độ sâu được xác định theo cốt cao phê duyệt trữ lượng. Toàn bộ các khối trữ lượng được phê duyệt ở cấp trữ lượng 122 đều có cao độ từ +50m trở lên, do đó để khai thác tối đa tài nguyên đất san lấp, thiết kế lựa chọn biên giới mỏ theo độ sâu khai thác là +50m.

Trữ lượng địa chất trong biên giới khai trường mỏ

STT	Số hiệu khối	Tuyến	Tuyến	Diện tích mặt cắt 1 (m²)	Diện tích mặt cắt 2 (m²)	Khoảng cách giữa 2 mặt cắt (m)	Thể tích khối nguyên khai (m³)	Ghi chú	Công thức tính
1	1-122	TP.1A	TP.1B	5 571	6 015	100	579 300	Đất đá phong hóa, bán phong hóa	CT.1
		TP.1B	T.1	6 015	8 274	70	500 115		CT.1
Cộng							1 079 415		
2	2-122	T.1	TP.1C	8 274	8 642	100	845 800		CT.1
		TP.1C	T.2	8 642	4 255	100	632 032		CT.2
Cộng							1 477 832		
3	3-122	T.2	TP.2A	4 255	4 857	60	273 360		CT.1
		TP.2A	TP.2B	4 857	2 844	90	342 529		CT.2
Cộng							615 889		
TỔNG CỘNG TRỮ LƯỢNG ĐẤT LÀM ĐẤT SAN LẤP							3 173 136		

* Hệ thống khai thác:

Tổng hợp các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

STT	Các thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng	m	10
	- Chiều cao gương phía trên	m	6
	- Chiều cao gương phía dưới	m	4
2	Chiều rộng mặt tầng công tác	m	20
3	Chiều rộng dải khẩu (luồng xúc)	m	15
4	Góc nghiêng sườn tầng	độ	53
6	Góc nghiêng bờ công tác	độ	0
7	Chiều cao tầng kết thúc	m	10
8	Chiều rộng mặt tầng kết thúc	m	3
9	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	độ	53
10	Góc nghiêng bờ mỏ khi kết thúc	độ	50

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực thực hiện dự án không có yếu tố nhạy cảm: Theo khoản 6 Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP có địa điểm thực hiện nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III và loại IV theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; Dự án không xả nước thải vào nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom vào nhà vệ sinh di động sau đó thuê bơm hút đi xử lý); Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt; Dự án không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên với diện tích đất chuyển đổi quy định tại cột (3) số thứ tự 7c phụ lục III Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Dự án không có yêu cầu di dân, tái định cư.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

Mỏ đất san lấp tại khu vực Đồi Đá Xô thuộc xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cách trung tâm tỉnh Thái Nguyên khoảng 15km về phía Tây Bắc và cách trung tâm xã Phú Lương khoảng 5km về phía Đông Nam. Diện tích đất của dự án khoảng 9,99ha, gồm 9,00967 ha đất rừng sản xuất và 0,98033 đất trồng cây lâu năm.

Khoảng cách từ ranh giới khu vực mỏ tới nhà dân gần nhất khoảng 20m về phía Bắc, cách Phân xưởng tuyển Than của mỏ than Phấn Mễ khoảng 160m về phía Tây. Ngoài ra, cách ranh giới điểm mỏ khoảng 200m về phía Đông có chùa Giang Tiên phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của người dân khu vực. Do đó trong quá trình khai thác

cần có các giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình và nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của hộ dân.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

*** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,25 m³/ngày; thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

- Giai đoạn vận hành dự án: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,55 m³/ngày (có thành phần, tính chất tương tự giai đoạn thi công, xây dựng), nước thải rửa lốp xe.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày (có thành phần, tính chất tương tự giai đoạn thi công, xây dựng).

*** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bụi, khí thải từ hoạt động thi công lắp đặt công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công, vận chuyển phục vụ thi công; thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Giai đoạn vận hành dự án: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác, bốc xúc, vận chuyển đất san lấp; thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂...

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Bụi, khí thải từ hoạt động tháo dỡ công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị phục vụ san gạt, đào hố trồng cây, vận chuyển phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường; thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x, SO₂.

*** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường**

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 5kg/ngày, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì nilon, vỏ hộp...

+ Đất đá thải từ quá trình thi công san gạt mặt bằng, làm đường, mở mở... khoảng 35.173m³; sinh khối thực phát quang khoảng 75,4 tấn.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án khoảng 11kg/ngày, thành phần chủ yếu là các loại bao bì, vỏ chai lọ.

+ Bùn lắng từ rửa lốp xe: 5m³/năm

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt và chất thải, vật liệu phá dỡ...

*** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại**

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng không đáng kể, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải với khối lượng phát sinh khoảng 5kg.

- Giai đoạn vận hành dự án: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 50 kg/năm, thành phần chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải....

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường không đáng kể, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải với khối lượng phát sinh khoảng 5kg.

*** Tiếng ồn, độ rung**

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng và vận chuyển ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh dự án.

- Giai đoạn vận hành dự án: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc phục vụ khai thác, vận chuyển đất san lấp.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị phục vụ cải tạo phục hồi môi trường.

*** Các tác động môi trường khác**

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là đất đá tự nhiên do quá trình khai thác, chất rắn lơ lửng.

+ Xuống cấp, ùn tắc các tuyến đường giao thông do hoạt động phục vụ thi công, vận chuyển sản phẩm ra ngoài phạm vi công trình với mật độ cao.

+ Các rủi ro, sự cố từ quá trình thi công: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, các nguy cơ gây mất an toàn khác.

- Giai đoạn vận hành dự án: Nguy cơ rủi ro, sự cố gây mất an toàn do hoạt động khai thác và từ quá trình vận chuyển đất san lấp.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, các nguy cơ gây mất an toàn khác.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

Đối với nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Sử dụng 01 nhà vệ sinh di động sau đó định kỳ thuê hút đi xử lý hợp vệ sinh.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng 02 nhà vệ sinh di động sau đó định kỳ thuê hút đi xử lý hợp vệ sinh.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì hệ thống thu gom nước thải của dự án đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ.

Đối với bụi và khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Khi thực hiện thi công thực hiện phun nước giảm bụi trên công trường thi công.

+ Sử dụng xe vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường vận chuyển; thực hiện che chắn thùng xe khi tham gia giao thông; đảm bảo mật độ vận chuyển, thời gian vận chuyển phù hợp với điều kiện thực tế hạ tầng giao thông và đời sống sinh hoạt của người dân khu vực.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Giai đoạn vận hành dự án: Thực hiện phun nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển, mặt bằng sân công nghiệp.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Chủ yếu duy trì biện pháp giảm thiểu khí, bụi bằng tưới nước và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

+ Đất đá phát sinh từ quá trình san gạt mặt bằng, làm đường, mở vỉa được sử dụng đào đắp tại chỗ phần còn lại là đất san lấp được xuất bán.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy tại khu vực phụ trợ và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Nạo vét định kỳ hố lắng nước mưa với tần suất bình quân 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường đến khi kết thúc đóng cửa mỏ; cuối cùng sẽ tiến hành phá dỡ công trình, hoàn phục môi trường.

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng được thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa loại 200 lít, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; sau đó sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành dự án: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng phuy và lưu chứa trong nhà kho có diện tích 12m².

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại đến khi kết thúc đóng cửa mỏ; cuối cùng sẽ tiến hành phá dỡ công trình, hoàn phục môi trường.

Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

+ Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.

+ Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Giai đoạn vận hành dự án:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Thực hiện định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc hoạt động đúng quy trình kỹ thuật..

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Các công nhân kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị nhất thiết phải có giấy tờ chứng chỉ, bằng cấp nghề, giấy khám sức khỏe.

- Các khu vực cấm hoặc hạn chế người qua lại phải có biển báo và trạm gác.

- Khi có tai nạn xảy ra phải kịp thời tổ chức cấp cứu người bị nạn, giữ nguyên hiện trường để điều tra và tìm biện pháp khắc phục.

- Thực hiện nối đất đảm bảo chống rò điện. Tại những chỗ có thiết bị điện, đường điện cần đặt các biển cảnh báo để công nhân có biện pháp đề phòng và áp dụng các biện pháp chống điện giật.

- Đối với ô tô vận chuyên cần chở đúng tải trọng quy định và tốc độ di chuyển theo tốc độ quy định theo các tuyến đường. Đặt biển cảnh báo khu vực giao thông từ mỏ ra tuyến đường chính để cảnh báo các phương tiện lưu thông trên đường chú ý quan sát và giảm tốc độ cần thiết để tránh các va chạm và tai nạn giao thông có thể xảy ra.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a/ Giám sát môi trường

Căn cứ quy định tại điều 97, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc giám sát chất lượng môi trường không khí và môi trường nước.

b/. Giám sát chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

+ Giám sát về khối lượng phát sinh tại vị trí lưu giữ.

+ Giám sát về chủng loại phát sinh.

c/. Giám sát khác

Trong quá trình thực hiện dự án chủ đầu tư cũng có phương án giám sát hiện tượng trượt, sạt khu vực khai thác... với tần xuất (06 tháng/lần) và thực hiện các phương án xử lý kịp thời khi có các hiện tượng trượt sạt, sụt lún, sạt lở xảy ra để đảm bảo an toàn cho công nhân khai thác.

2.5. Các nội dung khác

*** Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

Trên cơ sở thiết kế khai thác và các nhu cầu cải tạo phục hồi môi trường của địa phương và theo quy định hiện hành, Chủ đầu tư đã đề xuất và có kế hoạch thực hiện cải tạo phục hồi môi trường như sau:

+ Khu vực khai thác: Thực hiện san gạt, trồng cây xanh chăm sóc trong 3 năm đầu sau đó bàn giao cho địa phương.

+ Khu vực phụ trợ: Tháo dỡ các công trình trên mặt bằng khu vực phụ trợ; san gạt mặt bằng, trồng cây xanh chăm sóc trong 3 năm đầu sau đó bàn giao cho địa phương.

+ San lấp các hố lũng nước mưa đảm bảo an toàn.

+ Mương tiếp nhận nước mưa chảy tràn của mỏ: Thực hiện cải tạo mương nước tiếp nhận nước mưa chảy tràn khu phụ trợ phía Tây của mỏ bằng cách nạo vét bùn, rác trong lòng mương với chiều dài 100m.

*** Tổng số tiền ký quỹ**

- Tổng tiền ký quỹ theo phương án chọn là: **1.480.479.832 đồng**.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Chủ đầu tư thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Thái Nguyên.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực thông tin số liệu trong báo cáo ĐTM.

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, khai thác.

- Thực hiện nghiêm túc công tác an toàn sản xuất, an toàn giao thông, phòng chống bão lũ, cháy nổ và các sự cố khác.

- Cam kết xây dựng phương án, kế hoạch, lộ trình khai thác, vận chuyển đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh dự án và hoạt động giao thông của khu vực, nhất là khi đi qua các khu dân cư trong giờ cao điểm và thời gian cao điểm.

- Cam kết trong quá trình thi công thực hiện thiết lập hệ thống biển báo khu vực thi công, khai thác và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công, khai thác của dự án trước khi tiến hành hoạt động khai thác; Cam kết trong quá trình vận chuyển đảm bảo đúng tải trọng phù hợp tải trọng tuyến đường theo quy định; che chắn thùng xe; đảm bảo mật độ vận chuyển, thời gian vận chuyển phù hợp với điều kiện thực tế hạ tầng giao thông và đời sống sinh hoạt của người dân khu vực.

